|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**–––––––Số: /2018/TT-NHNN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**–––––––––––––––––––––*Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

 Dự thảo

 **THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc thành lập, tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 Thông tư này áp dụng đối với Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

 **Chương II**

 **THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ,**

 **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

 **Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thành lập**

 1. Nguyên tắc thành lập

 Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị.

 2. Điều kiện thành lập

 Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp và được cơ quan có thẩm quyền công nhận, quyết định giao tài sản theo quy định của pháp luật.

 **Điều 4. Thủ tục thành lập**

 - Bước 1: Xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý

 Đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý trình Thống đốc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) xem xét, phê duyệt.

 Nội dung đề án, bao gồm:

 a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

 b) Vị trí, chức năng;

 c) Nhiệm vụ và quyền hạn;

 d) Cơ cấu tổ chức;

 đ) Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý.

 - Bước 2: Đề nghị thành lập Hội đồng quản lý

 Sau khi được phê duyệt Đề án thành lập Hội đồng quản lý, Đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý gửi Vụ Tổ chức cán bộ để thẩm định.

Hồ sơ đề nghị gồm:

 a) Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý;

 b) Đề án thành lập Hội đồng quản lý;

 c) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý; trong đó, xác định rõ mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên;

 d) Các tài liệu liên quan chứng minh đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

 đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập Hội đồng quản lý;

 e) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

- Bước 3: Quyết định thành lập Hội đồng quản lý

 Sau khi thẩm định hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý, Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, Quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

 **Điều 5. Quy chế hoạt động**

1. Sau khi được thành lập, Hội đồng quản lý có trách nhiệm hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Tổ chức cán bộ) phê duyệt.

2.Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

 a) Vị trí, chức năng;

 b) Nguyên tắc làm việc;

 c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý và của các thành viên Hội đồng quản lý;

 d) Cơ chế hoạt động;

 đ) Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

 e) Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên.

**Chương III**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

  **Điều 6. Cơ cấu tổ chức**

Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên với cơ cấu như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách.

- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Các thành viên là đại diện Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính – Kế toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Một số thành viên khác là viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có 01 thành viên được cử làm thư ký của Hội đồng quản lý.

**Điều 7. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý**

Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Là công chức hoặc viên chức và đủ tuổi công tác ít nhất một nhiệm kỳ đối với bổ nhiệm lần đầu.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận chức vụ.

3. Không trong thời gian thi hành kỷ luật.

4. Có trình độ từ đại học trở lên.

5. Có kinh nghiệm trong công tác quản lý.

6. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 8. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý**

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ nhiệm.

 2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý là 05 (năm) năm.

 3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

 4. Chủ tịch Hội đồng quản lý được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo tương đương người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; phụ cấp cho các thành viên khác trong Hội đồng quản lý được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập (*thành viên kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp tối đa không quá 10% mức tiền lương cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có*) *hiện hưởng*). Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, phụ cấp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 9. Bổ nhiệm lại thành viên Hội đồng quản lý**

Thành viên Hội đồng quản lý được bổ nhiệm lại nếu đáp ứng các tiêu chuẩn:

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Hội đồng quản lý có đề nghị.

3. Còn ít nhất đủ 02 năm công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định của pháp luật (trường hợp còn dưới 02 năm công tác sẽ được xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ).

3. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhận chức vụ.

**Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý**

1. Thành viên Hội đồng quản lý đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản lý trong các trường hợp:

a) Nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

b) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản lý được miễn nhiệm trong các trường hợp:

a) Chuyển công tác khác;

b) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao;

d) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi giữ chức vụ.

3. Thành viên Hội đồng quản lý bị bãi nhiệm trong các trường hợp:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản.

**Điều 11.** **Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý**

1. Phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý.

2. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý.

3. Ban hành, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản lý và giám sát việc thực hiện các chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

4. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý khi Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý**

1. Điều hành hoạt động của Hội đồng quản lý khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền.

2. Ký các văn bản của Hội đồng quản lý theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

**Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý**

1. Tham gia và cho ý kiến về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

2. Góp ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý khi Hội đồng không tổ chức họp.

3. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công.

4. Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm thực hiện**

1. Vụ Tổ chức cán bộ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm thẩm định đề án thành lập Hội đồng quản lý, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và đề xuất nhân sự của Hội đồng quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Ban Lãnh đạo NHNN;- Đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN:- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng thông tin NHNN;- Công báo;- Lưu: VP, TCCB (3 bản). | **THỐNG ĐỐC** |  |  |
|  |  |  |  |